

Số: **1671** /QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày **17** tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố mới và bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính
thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1217/QĐ-BTP ngày 22/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; Quyết định số 169/QĐ-BTP ngày 04/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; Quyết định số 1050/QĐ-BTP ngày 23/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lý lịch tư pháp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; Quyết định số 2244/QĐ-BTP ngày 24/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lý lịch tư pháp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; Quyết định số 1170/QĐ-BTP ngày 15/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo Tờ trình của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố mới kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) gồm **44 (bốn mươi bốn)** TTHC (*cấp tỉnh: 41, cấp huyện: 01, cấp xã: 02*) và bãi bỏ: **62 (sáu mươi hai)** TTHC lĩnh vực lý lịch tư pháp, công chứng, nuôi con nuôi, trợ giúp pháp lý, quốc tịch được công bố tại Quyết định số 3469/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp và Quyết định số 3547/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục TTHC trong lĩnh vực tư pháp - hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Giám đốc Sở Tư pháp căn cứ Quyết định này thông báo và đăng tải công khai danh mục TTHC thực hiện tại Bộ phận một cửa, danh mục TTHC thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích, danh mục TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 thuộc phạm vi, chức năng quản lý. Truy cập địa chỉ <http://csdl.dichvucong.vn> để khai thác, sử dụng dữ liệu TTHC được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia, cung cấp nội dung TTHC cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và niêm yết, công khai theo quy định.

Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm triển khai Quyết định này đến các UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP (b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BLĐ VP UBND tỉnh;
- TT Tin học-Công báo;
- Công thông tin điện tử tỉnh(đăng tải);
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, THNV. 05

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *20/10*



Lê Thanh Bình

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI VÀ BÀI BỎ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH TRÀ VINH
(Kèm theo Quyết định số: 1671 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. LÝ LỊCH TƯ PHÁP (LLTP)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
1.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. <i>Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày.</i>	Trung tâm vụ chính tỉnh Trà Vinh	- Phí cung cấp thông tin LLTP: 200.000 đồng/lần/người. - Phí cung cấp thông tin LLTP của sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ (gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ (hoặc chồng), con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi dưỡng liệt sỹ): 100.000 đồng/lần/người. <i>Các trường hợp miễn phí cung cấp thông tin LLTP gồm: Trẻ em</i>	Sở Tư pháp	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 4)	- Luật Lý lịch tư pháp số 28/2009/QH12; Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 51/2019/QH14; Luật Căn cước công dân năm 2014; Luật Cư trú số 68/2020/QH14 ngày 13/11/2020. - Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp; - Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu số lý lịch tư

			<p>theo quy định tại Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; Người cao tuổi theo quy định tại Luật người cao tuổi; Người khuyết tật theo quy định tại Luật người khuyết tật; Người thuộc hộ nghèo và Người cư trú tại các xã đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quy định của pháp luật.</p>			<p>pháp; - Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp. - Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu số lý lịch tư pháp. - Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.</p>
			<p>Trường hợp người được cấp Phiếu LITP đề nghị cấp trên 2 Phiếu trong một lần yêu cầu, thì kể từ phiếu thứ 3 trở đi cơ quan cấp phiếu LITP thêm thu 5.000đ/phiếu, để bù đắp chi phí cần thiết cho việc in mẫu Phiếu LITP.</p>		-	

	<p>Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)</p>	<p>Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phai xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày.</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh</p>	<p>Không</p>	<p>Sở Tư pháp</p>	<p>Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 4)</p>	<p>Luật Lý lịch tư pháp năm 2009. Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp. Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp; Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TA&DTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp; Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp; Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp,</p>
--	---	--	--	--------------	-------------------	---	--

						quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.
						Luật Lý lịch tư pháp năm 2009. Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp. Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu số lý lịch tư pháp; Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TÀNDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp; Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu số lý lịch tư pháp; Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của
2.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày. Trường hợp khẩn cấp thì thời hạn không quá 24 giờ, kể từ thời điểm nhận được yêu cầu.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Không	Sở Tư pháp	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 4)

									Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

2. LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
1.	Đăng ký tập sự hành chính nghề công chứng	Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp ghi tên người đăng ký tập sự vào Danh sách Người tập sự hành chính nghề công chứng của Sở Tư pháp; trường hợp từ chối phải thông báo văn bản có nêu rõ lý do.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	không	Sở Tư pháp	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 4)	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành chính nghề công chứng.
2.	Đăng ký tập sự hành chính nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành chính nghề công chứng	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp ghi tên người đăng ký tập sự lại vào Danh sách Người tập sự hành chính nghề công chứng của Sở Tư pháp;	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Không	Sở Tư pháp	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 4)	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành chính nghề công chứng.

		trường hợp từ chối phải thông bằng văn bản có nêu rõ lý do.					
3.	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chức từ tổ chức hành nghề công chức này chức sang tổ chức hành nghề công chức khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho Người tập sự, tổ chức hành nghề công chức nhận tập sự và tổ chức hành nghề công chức mà Người tập sự xin chuyển đến về việc thay đổi nơi tập sự; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Không	Sở Tư pháp	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 4)	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.
4.	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chức từ tổ chức hành nghề công chức tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công	- Đối với trường hợp: Người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chức tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp nơi đã đăng ký tập sự thông báo bằng văn	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Không	Sở Tư pháp	- Thông qua hệ thống bưu chính; - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 4)	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.